

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN TH VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN TH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TH VIETNAM DEVELOPMENT
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108719142

3. Ngày thành lập: 26/04/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2B, ngách 143/62/11 phố Chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
9.	Trồng cây hàng năm khác	0119
10.	Trồng cây ăn quả	0121
11.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
12.	Trồng cây điều	0123
13.	Trồng cây hồ tiêu	0124
14.	Trồng cây cao su	0125
15.	Trồng cây cà phê	0126
16.	Trồng cây chè	0127
17.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
18.	Trồng cây lâu năm khác	0129
19.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
20.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
21.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
22.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
23.	Chăn nuôi gia cầm	0146

24.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
25.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
26.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
27.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
28.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
29.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
30.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
31.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
32.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
33.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
34.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
35.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
36.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
37.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
38.	Sản xuất đường	1072
39.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
40.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
41.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
42.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
43.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
44.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
45.	Sản xuất rượu vang	1102
46.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
47.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
48.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
49.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
50.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
51.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
52.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
53.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
54.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
55.	In ấn	1811
56.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
57.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
58.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
59.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
60.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310

61.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
62.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
63.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
64.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
65.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
66.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
67.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
68.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
69.	Xây dựng nhà để ở	4101
70.	Xây dựng nhà không để ở	4102
71.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
72.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
73.	Xây dựng công trình điện	4221
74.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
75.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
76.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
77.	Xây dựng công trình thủy	4291
78.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
79.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
80.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
81.	Phá dỡ	4311
82.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
83.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
84.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
85.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
86.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
87.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
88.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
89.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
90.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781

91.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí; trừ hoạt động của đấu giá viên)	4789
92.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
93.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
94.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
95.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
96.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
97.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
98.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
99.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
100.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
101.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
102.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
103.	Bán buôn thực phẩm	4632
104.	Bán buôn đồ uống	4633
105.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
106.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
107.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
108.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
109.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
110.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
111.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại cấm)	4690(Chính)
112.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
113.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
114.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
115.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
116.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
117.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

118.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
119.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
120.	Bốc xếp hàng hóa	5224
121.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hàng không)	5229
122.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
123.	Cơ sở lưu trú khác	5590
124.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
125.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
126.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
127.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
128.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
129.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
130.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
131.	Dịch vụ đóng gói	8292
132.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
133.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.	7110
134.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
135.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
136.	Quảng cáo	7310
137.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

138.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
139.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Môi giới thương mại	7490
140.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
141.	Đại lý du lịch	7911
142.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
143.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
144.	Giáo dục nhà trẻ	8511
145.	Giáo dục mẫu giáo	8512
146.	Giáo dục tiểu học	8521
147.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
148.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
149.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
150.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	PHAN KIM HOÀN	Số 65G, ngõ 6A, Phố Chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000,000	50,000	026087000008	
2	NGUYỄN TÂM THU	Số 65G, ngõ 6A, Phố Chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000,000	50,000	026187000014	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN KIM HOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/05/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 026087000008

Ngày cấp: 18/06/2013

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 65G, ngõ 6A, Phố Chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 65G, ngõ 6A, Phố Chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội